

KẾ HOẠCH **Tuyển dụng viên chức năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đảm bảo đủ chỉ tiêu biên chế viên chức được giao; tuyển dụng những người có đủ phẩm chất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp vị trí cần tuyển dụng.

2. Tuyển dụng viên chức trên cơ sở căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định pháp luật. Việc tuyển dụng viên chức phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế theo đúng Kế hoạch, Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

II. NHU CẦU TUYỂN DỤNG

1. Số lượng người làm việc

- Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2023: 537 người.
- Tổng số lượng người làm việc hiện có: 488 người.
- Số lượng người làm việc chưa sử dụng: 49 người.
- Tổng số đơn vị sự nghiệp cần tuyển dụng viên chức: 04 đơn vị.
- Tổng số chỉ tiêu cần tuyển dụng: 48 chỉ tiêu.

Sau khi tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Nông nghiệp và PTNT đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế theo đúng quy định.

(Kèm theo Phụ lục 1).

2. Nhu cầu tuyển dụng

a) Vị trí việc làm cần tuyển dụng 7 vị trí, cụ thể:

- Phụ trách công tác Tổ chức, Hành chính Tổng hợp;
- Thực nghiệm, sản xuất và cung ứng giống, cây trồng, thủy sản;
- Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn;
- Quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng;
- Điều tra sâu bệnh, nắm tình hình dịch hại;
- Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường.
- Kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

b) Số lượng cần tuyển dụng 48 chỉ tiêu, cụ thể:

- Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên (Mã số: 01.003): 01 chỉ tiêu;
- Chức danh nghề nghiệp: Khuyến nông viên hạng III (Mã số: V.03.09.26): 25 chỉ tiêu;
- Chức danh nghề nghiệp: Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (Mã số: V.03.10.29): 10 chỉ tiêu;
- Chức danh nghề nghiệp: Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (Mã số: V.03.01.02) : 04 chỉ tiêu;
- Chức danh nghề nghiệp: Kỹ thuật viên chẩn đoán viên bệnh động vật hạng IV (Mã số: V.03.04.12): 05 chỉ tiêu;
- Chức danh nghề nghiệp: Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (Mã số: V.03.04.11): 03 chỉ tiêu;

(Kèm theo Phụ lục 2).

III. ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

- a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:
- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
 - Từ đủ 18 tuổi trở lên.
 - Có đơn đăng ký dự tuyển (nay là Phiếu đăng ký dự tuyển);

- Có lý lịch rõ ràng;
 - Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm theo Phụ lục 2;
 - Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
 - Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.
- b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:
- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

Theo quy định tại Bảng nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2023 (phụ lục 2).

3. Hồ sơ

a) Hồ sơ đăng ký

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.
- Hai tấm ảnh 3x4 (ghi rõ họ, tên, ngày tháng năm sinh).
- Hai (02) phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc, dán tem.
- Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh được bỏ vào túi hồ sơ kích thước 250 x 340 x 5mm.

b) Hồ sơ hoàn thiện sau khi trúng tuyển

Hồ sơ tuyển dụng được hoàn thiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

4. Địa điểm nhận hồ sơ:

Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và PTNT (số 09 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang).

5. Lệ phí dự tuyển:

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và theo quy định hiện hành.

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG, NỘI DUNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM, XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Phương thức tuyển dụng:

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Nội dung và hình thức:

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, gồm 2 vòng như sau:

2.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2.2. Vòng 2: thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức: Phỏng vấn.

b) Nội dung phỏng vấn: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị).

d) Thang điểm phỏng vấn: 100 điểm.

đ) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả vòng 2.

3. Xác định người trúng tuyển:

Việc xác định người trúng tuyển thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể:

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 4 Mục IV Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 4 Mục IV Kế hoạch này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho kỳ tuyển dụng lần sau.

4. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

a) Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân

chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại điểm a khoản này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành tổ chức thực hiện việc xét tuyển viên chức theo đúng quy trình, quy định của pháp luật và nội dung Kế hoạch này.

1. Phân công thực hiện

a) **Hội đồng tuyển dụng:** Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xét tuyển viên chức theo đúng quy định pháp luật và nội dung Kế hoạch này.

b) Phòng Tổ chức cán bộ

- Là cơ quan Thường trực của Hội đồng tuyển dụng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ;

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo tuyển dụng, thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban giám sát.

- Tham mưu Hội đồng tuyển dụng thành lập Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển; Ban kiểm tra, sát hạch; Ban đề thi và các bộ phận giúp việc cho Hội đồng theo quy định của pháp luật về xét tuyển viên chức.

c) **Phòng Kế hoạch - Tài chính:** Chủ động, bố trí kinh phí đảm bảo phục vụ cho công tác tuyển dụng viên chức theo quy định hiện hành.

d) Các đơn vị trực thuộc:

- Đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức theo đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tình hình thực tế của đơn vị; chịu trách nhiệm đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế khi thực hiện tuyển dụng viên chức theo quy định.

- Cử công chức, viên chức tham gia Ban Kiểm tra, sát hạch, Ban Giám sát và các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng khi có yêu cầu.

2. Thời gian và địa điểm xét tuyển

a) Thời gian: Dự kiến tổ chức kỳ xét tuyển trong quý IV năm 2023 (Thời gian cụ thể sẽ có thông báo sau).

b) Địa điểm:

- Địa điểm ôn: Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Địa điểm xét tuyển: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023, của Sở Nông nghiệp và PTNT Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 98/KH-SNNPTNT ngày 02/11/2023, đề nghị Sở Nội vụ xem xét cho ý kiến để Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện. *Aluab*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BGD Sở;
- Lưu VT, vdiel.



Quảng Trọng Chao



BẢNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 104/KH-SNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số TT	Tên Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc hiện có	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng			Số lượng cần tuyển dụng	Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng				Ghi chú
					Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Mã số		Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kiên Giang	350	324					26					
A	Văn phòng Trung tâm												
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	13	12	Phụ trách công tác Tổ chức, Hành chính Tổng hợp	Chuyên viên	III	01.003	1	Đại học trở lên các ngành Luật/ Khoa học quản lý/ Quản trị nhân lực/ Quản lý hành chính	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
2	Trại thực nghiệm và SX giống thủy sản Ba Hòn, Kiên Lương	4	1	Thực nghiệm, sản xuất và cung ứng giống, cây trồng, thủy sản	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	3	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
3	Trại thực nghiệm và SX giống thủy sản Thứ 6 Biên, An Biên	3	1	Thực nghiệm, sản xuất và cung ứng giống, cây trồng, thủy sản	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	2	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4	Trại thực nghiệm SX lúa kết hợp nuôi thủy sản 286, Hòn Đất	2	0	Thực nghiệm, sản xuất và cung ứng giống, cây trồng, thủy sản	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
				Thực nghiệm, sản xuất và cung ứng giống, cây trồng, thủy sản	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
B	Trạm Khuyến nông huyện, thành phố							18					
1	Trạm Khuyến nông TP. Phú Quốc	12	10					2					
1.1	VP Trạm Khuyến nông TP. Phú Quốc	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
1.2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Cửa Dương	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
2	Trạm Khuyến nông huyện Kiên Hải	6	5					1					
2.1	VP Trạm Khuyến nông huyện Kiên Hải	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
3	Trạm Khuyến nông huyện Giang Thành	17	15					2					
3.1	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Vĩnh Phú	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		

Số TT	Tên Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc hiện có	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng			Số lượng cần tuyển dụng	Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng				Ghi chú
					Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Mã số		Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3,2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Phú Lợi	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4	Trạm Khuyến nông huyện Kiên Lương	18	16					2					
4,1	Khuyến nông viên xã Sơn Hải	1	0	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4,2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Kiên Bình	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
5	Trạm Khuyến nông huyện Hòn Đất	38	36					2					
5,1	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Bình Giang	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
5,2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp thị trấn Hòn Đất	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6	Trạm Khuyến nông huyện Giồng Riềng	53	47					6					
6,1	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Ngọc Thanh	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6,2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Thanh Lộc	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6,3	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Ngọc Thuận	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6,4	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Thanh Phước	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6,5	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Hòa An	3	2	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học thủy sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6,6	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Vĩnh Thanh	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
7	Trạm Khuyến nông huyện An Minh	25	24					1					
7,1	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Đông Thanh	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
8	Trạm Khuyến nông huyện Vĩnh Thuận	23	21					2					

Số TT	Tên Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc hiện có	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng			Số lượng cần tuyển dụng	Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng				Ghi chú
					Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Mã số		Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8,1	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Vĩnh Bình Bắc	3	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/Bảo vệ thực vật/ Nông học/ Khoa học cây trồng/ Khuyến nông/ Khoa học đất	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
8,2	Tổ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp xã Vĩnh Bình Nam	2	1	Phụ trách công tác hướng dẫn kỹ thuật Khuyến nông-Khuyến ngư ở xã, phường, thị trấn	Khuyến nông viên	III	V.03.09.26	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
II	Ban Quản lý rừng Kiên Giang	60	50					10					
1	Trạm Quản lý bảo vệ rừng Kiên Lương	7	3	Quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên	III	V.03.10.29	4	Đại học trở lên các ngành Luật/Lâm nghiệp/Kiểm lâm/Lâm sinh/Lâm học/Tài nguyên rừng/Đất đai/Quản lý tài nguyên rừng/Quản lý bảo vệ rừng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
2	Trạm Quản lý bảo vệ rừng tràm Hòn Đất	7	6	Quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên	III	V.03.10.29	1	Đại học trở lên các ngành Luật/Lâm nghiệp/Kiểm lâm/Lâm sinh/Lâm học/Tài nguyên rừng/Đất đai/Quản lý tài nguyên rừng/Quản lý bảo vệ rừng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
3	Trạm Quản lý bảo vệ rừng Kiên Hải	7	3	Quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên	III	V.03.10.29	4	Đại học trở lên các ngành Luật/Lâm nghiệp/Kiểm lâm/Lâm sinh/Lâm học/Tài nguyên rừng/Đất đai/Quản lý tài nguyên rừng/Quản lý bảo vệ rừng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4	Trạm Quản lý bảo vệ rừng Hà Tiên	7	6	Quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên	III	V.03.10.29	1	Đại học trở lên các ngành Luật/Lâm nghiệp/Kiểm lâm/Lâm sinh/Lâm học/Tài nguyên rừng/Đất đai/Quản lý tài nguyên rừng/Quản lý bảo vệ rừng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
III	Chi cục Trồng trọt và BVTV	40	36					4					
1	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Kiên Lương			Điều tra sâu bệnh, nắm tình hình dịch hại	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật	III	V.03.01.02	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Khoa học cây trồng/ Nông học	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
3	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện An Minh			Điều tra sâu bệnh, nắm tình hình dịch hại	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật	III	V.03.01.02	1	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Khoa học cây trồng/ Nông học	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện An Biên			Điều tra sâu bệnh, nắm tình hình dịch hại	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật	III	V.03.01.02	2	Đại học trở lên các ngành Trồng trọt/ Bảo vệ thực vật/ Khoa học cây trồng/ Nông học	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
IV	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	87	78					8					
1	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện An Biên	6	5	Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường	Kỹ thuật viên Chẩn đoán bệnh động vật	Hang IV	V.03.04.12	1	Trung cấp trở lên các ngành Chăn nuôi/Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		

Số TT	Tên Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc hiện có	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng			Số lượng cần tuyển dụng	Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng				Ghi chú
					Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Mã số		Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện An Minh	5	3	Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường	Kỹ thuật viên Chẩn đoán bệnh động vật	Hạng IV	V.03.04.12	1	Trung cấp trở lên các ngành Chăn nuôi/Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
				Kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật	Chẩn đoán viên bệnh động vật	Hạng III	V.03.04.11	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/ Thú y/ Chăn nuôi và Thú y/ Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học Thú y sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
3	Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Phú Quốc	5	4	Kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật	Chẩn đoán viên bệnh động vật	Hạng III	V.03.04.11	1	Đại học trở lên các ngành Chăn nuôi/ Thú y/ Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
4	Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Hà Tiên	5	3	Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường	Kỹ thuật viên Chẩn đoán bệnh động vật	Hạng IV	V.03.04.12	1	Trung cấp trở lên các ngành Chăn nuôi/Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
				Kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật	Chẩn đoán viên bệnh động vật	Hạng III	V.03.04.11	1	Đại học trở lên ngành Chăn nuôi/ Thú y/ Chăn nuôi và Thú y/ Nuôi trồng thủy sản/ Bệnh học Thú y sản	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
5	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Kiên Lương	5	4	Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường	Kỹ thuật viên Chẩn đoán bệnh động vật	Hạng IV	V.03.04.12	1	Trung cấp trở lên các ngành Chăn nuôi/Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
6	Trạm Quan trắc, xét nghiệm và Thú y công đồng	8	7	Chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản kiêm vận hành hệ thống quan trắc môi trường	Kỹ thuật viên Chẩn đoán bệnh động vật	Hạng IV	V.03.04.12	1	Trung cấp trở lên các ngành Chăn nuôi/Chăn nuôi và Thú y	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
Tổng số		537	488					48					